

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN BA TƠ

Số: /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ba Tơ, ngày tháng 4 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Dự án: Chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc

**Nguồn vốn: Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình MTQG GNBV
năm 2024 chuyển sang năm 2025**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặt thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của UBND tỉnh ban hành quy định cơ chế quay vòng một phần kinh phí hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1433/QĐ-UBND ngày 28/9/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành định mức kỹ thuật một số giống cây trồng, vật nuôi, vật tư áp dụng trong lĩnh vực nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1359/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quản lý đầu tư công thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định số 1991/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và phê duyệt Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực kinh tế hợp tác và phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội và UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Công văn số 2641/UBND ngày 21/11/2023 của UBND huyện Ba Tơ về việc tăng cường kiểm tra, giám sát các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất từ các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 của UBND huyện Ba Tơ về việc điều chỉnh vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2022, 2023 và năm 2024; nguồn vốn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh và ngân sách huyện;

Căn cứ Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 12/3/2024 của UBND huyện Ba Tơ về việc chuyển nguồn kinh phí sự nghiệp các Chương trình mục tiêu quốc gia thuộc ngân sách cấp huyện năm 2024 sang năm 2025 (đợt 2).

Căn cứ Quyết định số 421/QĐ-UBND ngày 19/3/2025 của UBND huyện về việc kiện toàn Tổ thẩm định các dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Chứng thư thẩm định giá số 219/2025/02/ĐS-QNg ngày 18/3/2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá Sao Việt;

Xét đề nghị của UBND xã Ba Ngạc tại Tờ trình số 16/TTr-UBND ngày 26/3/2025 về việc xin phê duyệt dự án: Chăn nuôi Trâu sinh sản xã Ba Ngạc; thuộc Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình MTQG GNBV năm 2024 chuyển sang năm 2025 và đề nghị của Tổ thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng tại Báo cáo số 02/BCTĐ-TTĐ ngày 11/4/2025 về thẩm định Dự án: Chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc Nguồn vốn: Tiểu dự án 1, Dự án 3, Chương trình MTQG GNBV năm 2024 chuyển sang năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc; nguồn vốn: Tiêu dự án 1, Dự án 3, Chương trình MTQG GNBV năm 2024 chuyển sang năm 2025, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc.

2. Đơn vị quản lý, thực hiện dự án

- Đơn vị quản lý (*Chủ đầu tư*): Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện.
- Cơ quan phối hợp: UBND xã Ba Ngạc
- Đơn vị thực hiện: Nhóm cộng đồng dân cư Chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc.

3. Danh sách nhóm cộng đồng tham gia dự án (có danh sách kèm theo)

4. Địa bàn, thời gian triển khai

- Địa điểm: Tại các thôn: Krên và Tà Noát, xã Ba Ngạc.
- Thời gian thực hiện: 18 tháng (*kể từ khi Dự án được phê duyệt*)

5. Đối tượng tham gia dự án: 11 hộ, trong đó có: 02 hộ nghèo chiếm 18,18%, 02 hộ cận nghèo chiếm 18,18%, 06 hộ mới thoát nghèo chiếm 54,55%, hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi: 1 chiếm 9,09%.

6. Các hoạt động của dự án

- Hỗ trợ con giống: Nhóm hộ Chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc được hỗ trợ 20 con trâu cái nội để nuôi sinh sản (*mỗi hộ thuộc đối tượng thụ hưởng nhận 02 con giống*). Loại giống: Trâu cái nội sinh sản có trọng lượng ≥ 220 kg/con; độ tuổi từ 24 tháng; sinh trưởng và phát triển khỏe mạnh, không dị hình, dị tật, đủ tiêu chuẩn làm giống, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; kiểm dịch theo quy định của ngành thú y và đã được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.

- Hỗ trợ về vật tư, công cụ hỗ trợ

+ Tặng đá liềm: Dự án hỗ trợ 60 kg tặng đá liềm cho 20 con trâu cái nội sinh sản (*định mức hỗ trợ 03 kg/con*).

+ Về vắc xin: Dự án hỗ trợ các loại vắc xin theo quy định cụ thể: Tụ huyết trùng: 20 liều/20 con, viêm da nổi cục: 20 liều/20 con và lở mồm long móng: 20 liều/20 con.

- Hỗ trợ cán bộ kỹ thuật: Thời gian hỗ trợ kỹ thuật đến từng hộ gia đình: 76 buổi, từ sau khi cấp con giống đến khi dự án có kết quả.

- Hoạt động tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật: 01 lớp/01 ngày, số lượng: 11 người.

- Hộ tham gia đối ứng kinh phí để: Sửa chữa chuồng trại, thức ăn (*ngoài phần hỗ trợ từ nhà nước*), hóa chất sát trùng chuồng trại và trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con giống.

7. Dự toán kinh phí và nguồn kinh phí

7.1. Kinh phí thực hiện

Tổng nguồn kinh phí thực hiện dự án: **482.169.000 đồng** (*Bốn trăm tám mươi hai triệu, một trăm sáu mươi chín ngàn đồng*); trong đó

- Nhà nước hỗ trợ: 440.169.000 đồng
- + Ngân sách trung ương: 383.000.000 đồng
- + Ngân sách tỉnh: 39.000.000 đồng
- + Ngân sách huyện: 18.169.000 đồng
- Vốn dân: 42.000.000 đồng

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

7.2. Nguồn kinh phí

- Đối với ngân sách nhà nước hỗ trợ: Năm 2025: 440.169.000 đồng (*Bốn trăm bốn mươi triệu, một trăm sáu mươi chín ngàn đồng*), được UBND huyện giao tại Quyết định số 168/QĐ-UBND ngày 14/11/2024 và được UBND huyện chuyển nguồn tại Quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 12/3/2024.

- Đối với vốn dân đóng góp: Cộng đồng dân cư thực hiện đối ứng theo phần kinh phí để đảm bảo thực hiện dự án.

8. Dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án

- Dự kiến sau khi kết thúc dự án, lợi nhuận sau 1 chu kỳ sinh sản 160.000.000 đồng, bình quân mỗi hộ 16.000.000 đồng. Như vậy, việc nuôi heo sinh sản sẽ góp phần tăng thu nhập cho hộ gia đình, giúp các hộ thoát nghèo một cách bền vững

- Kết quả đầu ra của dự án: Sản phẩm đầu ra của dự án là trâu con, sau một chu kỳ chăm sóc trâu con sẽ bán trực tiếp cho thương lái, hộ dân trong và ngoài huyện.

9. Mức hỗ trợ, phương án mua sắm và đầu môi mua sắm giống, vật tư hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

- Mức hỗ trợ: Ngân sách nhà nước hỗ trợ đạt 91,3% tổng dự án và vốn dân hỗ trợ đạt 8,7% tổng dự án.

- Phương án mua sắm giống, thức ăn: Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

- Đầu môi thực hiện mua sắm: Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện.

10. Hình thức, tỷ lệ và thời gian thu hồi một phần kinh phí hỗ trợ

- Hình thức thu hồi để quay vòng: Bằng tiền.

- Tỷ lệ quay vòng vốn: Là 5% đối với vùng đặc biệt khó khăn (*thôn Krên, thôn Tà Noát, xã Ba Ngạc*) theo từng hộ thụ hưởng từ kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án.

- Mức kinh phí thu hồi và thời gian thu hồi:

+ Mức kinh phí thu hồi: 22.008.000 đồng (*Hai mươi hai triệu, không trăm lẻ tám ngàn đồng*).

+ Tối đa không quá 03 tháng kể từ khi kết thúc dự án hoặc dự án đã có kết quả đầu ra.

- Trình tự luân chuyển, quay vòng thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quyết định 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023.

- Nguyên tắc: Nhóm cộng đồng dân cư chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp Nhóm cộng đồng dân cư chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc không đủ năng lực quản lý, Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển vốn theo quy định tại Khoản 3 Điều 2 Quyết định 20/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện (Chủ đầu tư)

- Tổ chức ký hợp đồng với đại diện Nhóm cộng đồng dân cư Chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc để thực hiện dự án theo nội dung đã được thẩm định, phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm về đơn giá con giống, vật tư và định mức chi cho các hoạt động của dự án.

- Mua sắm giống, vật tư hỗ trợ từ dự án; thanh toán, giải ngân vốn cho đại diện cộng đồng, các bên liên quan theo tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện nhóm cộng đồng.

- Mở tài khoản tiền gửi của đơn vị tại Kho bạc Nhà nước để quản lý số tiền quay vòng của cộng đồng dân cư theo quy định và mở sổ theo dõi riêng các khoản quay vòng, luân chuyển, thực hiện công khai tài chính đối với việc thu hồi, quản lý và sử dụng kinh phí thu hồi để quay vòng theo quy định của pháp luật.

- Giám sát theo dõi các hoạt động của dự án do cộng đồng dân cư thực hiện đảm bảo theo quy định, phối hợp với cộng đồng dân cư có biện pháp xử lý đối với các hộ dân thực hiện không đúng các nội dung như đã cam kết.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho cán bộ kỹ thuật theo dõi dự án, phải thường xuyên kiểm tra, giám sát việc chăm sóc, nuôi dưỡng con giống của từng hộ dân tham gia cho đến khi kết thúc dự án.

2. Nhóm cộng đồng dân cư thực hiện dự án

- Quản lý, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung hoạt động của dự án khi được phê duyệt đảm bảo tiến độ và hiệu quả, đúng quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện dự án định kỳ 6 tháng, hằng năm và tổng kết, gửi UBND xã tổng hợp, báo cáo UBND cấp huyện.

- Đôn đốc các đối tượng tham gia dự án nộp lại kinh phí phải thu hồi theo quy định và thực hiện luân chuyển, quay vòng vốn trong cộng đồng.

- Chịu trách nhiệm về đối tượng, nội dung đối ứng của hộ tham gia dự án.

3. Phòng Tài chính – Kế hoạch có trách nhiệm cấp phát kinh phí cho Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện; đồng thời hướng dẫn thanh, quyết toán theo đúng quy định hiện hành.

4. Phòng Nông nghiệp và Môi trường tham gia nghiệm thu giống, vật tư; theo dõi, tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo quy định; tham mưu UBND huyện tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện và báo cáo định kỳ theo các quy định hiện hành.

7. UBND xã Ba Ngạc

Theo dõi, kiểm tra, đánh giá dự án triển khai tại địa phương; phối hợp Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện, Nhóm cộng đồng dân cư chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc triển khai thực hiện dự án; kết thúc dự án, đánh giá hiệu quả thực hiện dự án so với mục tiêu đề ra và tổ chức nhân rộng nếu có hiệu quả.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các Phòng: Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp; Phòng Giao dịch số 22 – Kho bạc nhà nước khu vực XII; Chủ tịch UBND xã Ba Ngạc và thủ trưởng các phòng, ban có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Văn phòng HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT. PNN (Đào)

CHỦ TỊCH

Phạm Giang Nam

DỰ TOÁN CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN
VỮNG VỐN NĂM 2024

(VỐN ĐIỀU CHỈNH BỔ SUNG) CHUYỂN SANG NĂM 2025

DỰ ÁN: CHĂN NUÔI TRÂU SINH SẢN XÃ BA NGẠC

(Thuộc Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp, Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng)

Địa điểm: Các thôn: Krên và Tà Noát xã Ba Ngạc

Quy mô: 20 con/10 hộ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của UBND huyện)

ĐVT: 1.000 đồng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Dự toán phê duyệt					Ghi chú
				Đơn giá	Thành tiền (*)	Tổng cộng	Năm 2025		
							Ngân sách nhà nước	Vốn dân	
A	B	C	1	2	3=1*2	4=5+6	5	6	
A	Ngân sách nhà nước				440.169	440.169	440.169	0	
I	Tập huấn, Chuyển giao khoa học kỹ thuật (1 lớp/1 ngày)				4.350	4.350	4.350	0	
	- Tiền ăn	Người/ ngày	11	100	1.100	1.100	1.100	0	Tạm tính theo TT 40/2017/ TT-BTC; 10 hộ tham gia dự án, 01 hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi
	- Nước uống	Người/ ngày	11	20	220	220	220	0	
	- Pho to tài liệu kỹ thuật	Tập	11	10	110	110	110	0	
	- VPP (Bi, viết, vở)	Bộ	11	20	220	220	220	0	
	- Thuê máy chiếu	Ngày	1	1.000	1.000	1.000	1.000	0	
	- Trang trí hội trường	Ngày	1	500	500	500	500	0	
	- Báo cáo viên	Người/ ngày	1	1.200	1.200	1.200	1.200	0	TT 36/2018/ TT-BTC
II	Hỗ trợ phát triển sản xuất				3.800	3.800	3.800	0	
	Hỗ trợ công cán bộ trực tiếp hướng dẫn dự án: Thời gian tham gia hỗ trợ đến từng hộ gia đình: 76 buổi, từ sau khi cấp con giống đến khi kết thúc dự án.	Buổi	76	50	3.800	3.800	3.800	0	TT 55/2023/ TT-BTC
III	Hỗ trợ vật tư, vật nuôi, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất				421.019	421.019	421.019	0	

1	Chi hỗ trợ giống vật nuôi: Hỗ trợ 20 con trâu cái nội sinh sản. Tiêu chuẩn về giống: Trâu cái nội sinh sản có trọng lượng ≥ 220 kg/con; độ tuổi từ 24 tháng. Trâu sinh trưởng và phát triển khỏe mạnh, không dị hình, dị tật, đủ tiêu chuẩn làm giống, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng; kiểm dịch theo quy định của ngành thú y và đã được tiêm phòng đầy đủ các loại vắc xin theo quy định, giống được công nhận TBKT, công bố TCCS.	Kg	4.400	95	418.000	418.000	418.000	0	Theo chứng thư thẩm định giá số: 219/2025/02/ĐS-QNg ngày 18/3/2025 của Cty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thẩm định giá Sao Việt. Giá theo chứng thư thẩm định giá chỉ có ý nghĩa tư vấn tham khảo và đơn giá theo chứng thư là đơn giá cho 01 đơn vị số lượng tài sản. Vì vậy đơn giá sẽ chuẩn xác trong quá trình thực hiện dự án
2	Tăng đá liếm: Dự án hỗ trợ 60 kg tăng đá liếm cho 20 con trâu cái nội sinh sản (định mức hỗ trợ 03 kg/con)	Kg	60	30	1.800	1.800	1.800	0	
3	Vắc xin thú y				1.219	1.219	1.219	0	
-	Vắc xin tụ huyết trùng (20 liều/20con)	Liều	20	3,675	73,500	73,500	73,500	0	
-	Vắc xin viêm da nổi cục (20 liều/20con)	Liều	20	36,500	730,000	730,000	730,000	0	
-	Vắc xin lở mồm long móng (20 liều/20con)	Liều	20	20,790	415,500	415,500	415,500	0	
IV	Chi xây dựng và quản lý DA				11.000	11.000	11.000	0	
1	Chi phí lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT	Dự án	1	6.000	6.000	6.000	6.000	0	Nghị định Số: 24/2024/NĐ-CP
2	Chi phí thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả LCNT	Dự án	1	5.000	5.000	5.000	5.000	0	
B	Vốn dân				42.000	42.000	0	42.000	Phòng TC-KH không thẩm định nội dung này (Nội dung này được tổng hợp theo dự toán của Nhóm cộng đồng lập và Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp đề xuất)
1	Thức ăn cám, gạo cỏ....	Hộ	200	10	2.000	2.000	0	2.000	
2	Chuồng nuôi nhốt trâu	Chuồng	10	4.000	40.000	40.000	0	40.000	
TỔNG CỘNG (A+B)					482.169	482.169	440.169	42.000	

Ghi chú: (*) gồm		
Tổng kinh phí:	482.169.000	đồng
Trong đó:		
- Ngân sách nhà nước	440.169.000	đồng
+ Ngân sách Trung ương:	383.000.000	đồng
+ Ngân sách tỉnh:	39.000.000	đồng
+ Ngân sách huyện:	18.169.000	đồng
- Vốn đối ứng dân	42.000.000	đồng

DANH SÁCH

Nhóm hộ tham gia Dự án: Chăn nuôi trâu sinh sản xã Ba Ngạc;

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2025 của UBND huyện)

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Ngày sinh	Thuộc diện	Chức danh
1	Phạm Văn Ớt	Thôn KRên	20/5/1972	Thoát nghèo năm 2024	Thành viên
2	Phạm Văn Trura	Thôn Krên	09/4/1979	Thoát nghèo năm 2024	Thành viên
3	Phạm Văn Plon	Thôn Krên	01/01/1973	Thoát nghèo năm 2024	Thành viên
4	Phạm Văn Pa Rea	Thôn Krên	20/5/1985	Thoát nghèo năm 2024	Thành viên
5	Phạm Văn Rạ	Thôn Krên	02/9/1968	Thoát nghèo năm 2024	Thành viên
6	Phạm Văn Phành	Thôn Krên	16/10/1993	Thoát nghèo năm 2024	Trưởng nhóm
7	Phạm Văn Út	Thôn Tà Noát	06/5/1972	Hộ nghèo	Thành viên
8	Phạm Thị Mía	Thôn Tà Noát	16/4/1974	Hộ nghèo	Thành viên
9	Phạm Thị Pan	Thôn Tà Noát	09/7/1955	Hộ cận nghèo	Thành viên
10	Phạm Văn Húy	Thôn Tà Noát	01/01/1954	Hộ cận nghèo	Thành viên
11	Phạm Văn Hân	Thôn Tà Noát	12/6/1986	Hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi	Thành viên

(Danh sách này gồm có 11 hộ)